

Bản án số: /2020/HNGĐ- ST  
Ngày 28-10-2020  
V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt D

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hữu T

Bà Nguyễn Thị H

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị D – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị T - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số **434/2020/TLST- HNGĐ** ngày 08/10/2020 về việc tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2019/QĐXX-ST ngày 19/10/2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1965. Có mặt

**- Bị đơn:** Chị Tống Thị L, sinh năm 1962. Vắng mặt

Đều có HKTT và cư trú tại: Thôn Tiên L, xã Tiên P, huyện Chương M, thành phố Hà Nội

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn – Anh Nguyễn Hữu T trình bày:** Tôi và chị Tống Thị L kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào khoảng tháng 9/1986 tại Ủy ban nhân dân xã Tiên P, huyện Chương M. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống bình thường tại xã Tiên P. Đến khoảng năm 2013 - 2016 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn gay gắt, bất đồng quan điểm sống nguyên nhân do tôi đi làm ăn xa không có thời gian thường xuyên chăm sóc vợ con, đồng thời chúng tôi hay có mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng sút mẻ. Từ năm 2018 cho đến nay chúng tôi hoàn toàn ly thân, dù vẫn là vợ chồng nhưng

không còn quan tâm đến sự có mặt hay sự tồn tại của người kia nữa, mỗi lần gặp mặt nhau là lại cãi vã. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin Tòa cho được ly hôn với chị L.

Về con chung: có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị L, sinh năm 1988; Nguyễn Thị O, sinh năm 1990 và Nguyễn Hữu L, sinh năm 1993. Hiện các con tôi đã thành niên, đã có gia đình riêng, không bị nhược điểm về thể chất hay tâm thần. Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và công nợ, công sức: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại bản tự khai, và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – Chị Tổng Thị L trình bày:** Tôi và anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào tháng 9/1986 tại Ủy ban nhân dân xã TP. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc tại địa phương. Nhưng từ năm 2013 đến năm 2016 anh T có đi lăm ăn xa và có tình cảm với người con gái khác, do vậy mà vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, sau khi lòng tin trong hôn nhân không còn chúng tôi thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống mọi vấn đề trong cuộc sống, năm 2014 và 2016 anh T còn đánh tôi 02 trận do tình cảm vợ chồng không còn, chúng tôi đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Mặc dù hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, nhưng vì các con tôi nên tôi muốn các con có một gia đình đầy đủ nên tôi không đồng ý ly hôn, còn nếu anh T cứ kiên quyết đòi ly hôn thì tôi mong Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị L, sinh năm 1988; Nguyễn Thị, sinh năm 1990 và Nguyễn Hữu L, sinh năm 1993. Hiện các con tôi đã thành niên, đã có gia đình riêng, không bị nhược điểm về thể chất hay tâm thần. Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và công nợ, công sức: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Đại diện VKSND huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Anh T được ly hôn với chị L; Về con chung: hiện các con chung đã thành niên, đã có gia đình riêng, không bị nhược điểm về thể chất hay tâm thần. Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Tài sản, công sức, công nợ: không đề nghị nên không xem xét giải quyết. Anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

**- Tại phiên Tòa:**

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với chị Tống Thị L. Về con chung: có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị L, sinh năm 1988; Nguyễn Thị O, sinh năm 1990 và Nguyễn Hữu L, sinh năm 1993. Hiện các con tôi đã thành niên, đã có gia đình riêng, không bị nhược điểm về thể chất hay tâm thần. Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, công nợ chung và công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn: Chị Tống Thị L vắng mặt tại phiên tòa. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về toàn bộ vụ án.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

Anh Nguyễn Hữu T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương M giải quyết được ly hôn chị Tống Thị L. Hiện chị Tống Thị L đang cư trú tại Thôn Tiên L, xã Tiên P, huyện Chương M, Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương M thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu T và chị Tống Thị L thiết lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, Anh T và chị L đăng ký kết hôn năm 1986 tại UBND xã Tiên P. Sau khi kết hôn, anh T và chị L chung sống bình thường, từ năm 2013 cho đến nay thường xuyên có mâu thuẫn. Theo anh T chị L và anh chung sống làm vợ chồng nhưng không hiểu nhau, không chia sẻ được với nhau mọi vấn đề trong cuộc sống. Vợ chồng ở với nhau không có tiếng nói chung, anh chị không hợp nhau nên hôn nhân vô cùng nặng nề. Từ năm 2018 cho đến nay anh chị đã ly thân. Còn theo chị L thì từ năm 2013 đến năm 2016 anh T có đi làm ăn xa và có tình cảm với người con gái khác, do vậy mà vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, sau khi lòng tin trong

hôn nhân không còn chúng tôi thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống mọi vấn đề trong cuộc sống, năm 2014 và 2016 anh Thành còn đánh tôi 02 trận do tình cảm vợ chồng không còn, chúng tôi đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Mặc dù tình cảm đã không thể hàn gắn được nhưng chị L vẫn không muốn ly hôn, đề nghị Tòa cho vợ chồng đoàn tụ cho các con chị có đầy đủ cha mẹ.

Tại phiên tòa anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn với chị L. Xét thấy, tình cảm giữa anh T và chị L không còn do việc anh chị đã có khoảng thời gian dài mâu thuẫn muốn vợ chồng, cãi vã và ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Ngoài ra anh T có đánh đập chị L gây tổn thương về thể chất lẫn tâm hồn của chị, hai anh chị không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, có vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng có biểu hiện không tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T với chị L là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Anh T và chị L có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị L, sinh năm 1988; Nguyễn Thị O, sinh năm 1990 và Nguyễn Hữu L, sinh năm 1993. Hiện các con tôi đã thành niên, đã có gia đình riêng, không bị nhược điểm về thể chất hay tâm thần. Không yêu cầu Tòa án giải quyết

[2.3] Về tài sản chung: Anh T và chị L không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

**[3] Về án phí:** Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên!*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Áp dụng các Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;** khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 211 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Anh **Nguyễn Hữu T** được ly hôn chị **Tống Thị L**.

2. Về con chung: Anh T và chị L có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị L, sinh năm 1988; Nguyễn Thị O, sinh năm 1990 và Nguyễn Hữu L, sinh năm 1993. Hiện các

con tôi đã thành niên, đã có gia đình riêng, không bị nhược điểm về thể chất hay tâm thần. Không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Về tài sản chung: Anh T và chị L không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được tính trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương M, Thành phố HN theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0010114 ngày 08/10/2020.

Anh Nguyễn Hữu T, chị Tống Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố HN;
- VKSND huyện ( 02 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP
- Chi cục THA dân sự CM

**TM. Hội đồng xét xử**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Việt D**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƯƠNG MỸ  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi .....giờ ..... ngày 29 tháng 6 năm 2020

Tại: Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội

***Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông **Nguyễn Việt Dũng**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Phạm Tiến Lợi**

Bà **Nguyễn Thị Liên**

Tiến hành nghị án vụ án HNGĐ thụ lý số **238/TLST – HNGĐ** ngày 11 tháng 6 năm 2020 về việc “ Tranh chấp về ly hôn” giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị **Đỗ Thị Hoa**, sinh năm 1995.

- **Bị đơn:** Anh **Ngô Văn Quyết**, sinh năm 1990.

Đều có HKTT và cư trú tại: Thôn Khôn Duy, xã Mỹ Lương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội

Có mặt: Chị Hoa, anh Quyết.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật*

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN BIỂU QUYẾT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

**Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;**  
khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147,  
Điều 211 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. **Chị Đỗ Thị Hoa** được ly hôn anh **Ngô Văn Quyết**.

2. Về con chung: Chấp nhận thỏa thuận của chị Hoa, anh Quyết giao cháu Huyền Anh cho anh Quyết nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. Giao cháu Huyền Trang cho chị Hoa nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Hoa, anh Quyết có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Chị Hoa và anh Quyết không yêu cầu hai bên cha mẹ phải cấp dưỡng nuôi con chung, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Hoa, anh Quyết cho đến khi có sự thay đổi khác.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị Hoa phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được tính trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0004840 ngày 11/6/2020.

Chị Đỗ Thị Hoa, anh Ngô Văn Quyết có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

**Hội đồng xét xử thảo luận và nhất trí 3/3.**

Nghị án kết thúc vào hồi .....giờ.....phút cùng ngày

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Việt Dũng**